TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NAM SÁCH** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự do -Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 12/03/2020
V*/v Ly hôn*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM SÁCH - HẢI DƯƠNG

- T**hành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có**:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Đoàn Thị Thu Thúy

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Liên; Bà Lê Thị Lan Phương.

- Thư ký ghi biên bản phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thanh Hà – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Sách tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 03 năm 2020 tại trụ sở, Toà án nhân dân huyện Nam Sách mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 226/2019/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2019 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 02 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2020/QĐHPTST-DS ngày 24/02/2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Trần Thị T, sinh năm 1994;

ĐKHKTT: P, H, N, Hải Dương;

Địa chỉ: V, H, N, Hải Dương. Có mặt

- *Bị đơn:* Anh Đặng Văn T1, sinh năm 1992;

Địa chỉ: P, H, N, Hải Dương. Vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1970; Địa chỉ: P, H, N, Hải Dương; Vắng mặt.

Bà Nguyễn Thị N – sinh năm 1969; Địa chỉ: V, H, N, Hải Dương; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản lấy lời khai nguyên đơn chị Trần Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Đặng Văn T1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, đăng ký kết hôn tại UBND xã H, N, Hải Dương ngày 21/7/2015. Sau khi kết hôn chị và anh T1 chung sống ở P, H, N, Hải Dương, lúc đầu ở chung với bố mẹ đẻ của anh T1, được khoảng 2 năm thì đến ở nhà bà nội anh T1. Ngay từ thời gian đầu chung sống chị và anh T1 đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do không phù hợp về tính cách, anh T1 không có nghề nghiệp ổn định, không tu chí làm ăn, mải chơi, thường xuyên uống bia rượu, chơi lô đề, đánh cãi nhau với mọi người. Chị và anh T1 kết hôn được hơn 4 năm nhưng vẫn chưa có con, anh T1 lại mải chơi không chịu điều trị, nên vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm, tình cảm vợ chồng không còn. Nhiều lần chị bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở, nhưng sau đó anh T1 lại gặp xin lỗi chị và hứa sửa đổi nên chị lại quay về chung sống với anh T1, tuy nhiên chỉ được một thời gian ngắn vợ chồng lại xảy ra mâu thuẫn. Từ tháng 10/2019 chị bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở thôn V sống ly thân với anh T1. Đến nay chị nhận thấy không còn tình cảm với anh T1 không thể tiếp tục chung sống nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh T1.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung*:* Chị và anh T1 không có con chung, không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người làm chứng :

Bà Nguyễn Thị N (mẹ đẻ chị T) trình bày: Sau khi kết hôn chị T và anh T1 chung sống ở thôn P, H, N, Hải Dương. Quá trình vợ chồng chung thường xuyên xảy ra cãi nhau nguyên nhân là do vợ chồng không phù hợp quan điểm, anh T1 không có nghề nghiệp ổn định, không tu chí làm ăn, mải chơi, thường xuyên uống bia rượu, đánh cãi nhau với mọi người, chị T và gia đình không ai khuyên bảo được anh T1. Chị T, anh T1 kết hôn đã được 4 năm nhưng vẫn không có con, lại không quyết tâm điều trị nên mâu thuẫn ngày một trầm trọng hơn. Tháng 10/2019 chị T bỏ về nhà bà ở sống ly thân với anh T1. Nay chị T làm đơn xin ly hôn với anh T1 đề nghị Tòa án giải quyết theo yêu cầu của chị T.

Bà Nguyễn Thị L (mẹ đẻ anh T1) trình bày: Sau khi chị T, anh T1 kết hôn ở cùng gia đình bà. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, tính cách, anh T1 chưa có nghề nghiệp ổn định, lại mải chơi, chị T không nói được chồng thì dỗi bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở, ngoài ra còn vì anh chị chưa có con nhưng lại không kiên trì điều trị. Gia đình nhiều lần khuyên bảo hòa giải nhưng anh chị vẫn không thay đổi, nhiều lần như vậy nên gia đình cũng không can thiệp nữa. Tháng 10/2019 chị T bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở từ đó không quay về chung sống cùng anh T1 nữa. Chị T làm đơn xin ly hôn anh T1, Tòa án nhiều lần gửi thông

báo thụ lý, giấy triệu tập yêu cầu anh T1 đến làm việc, bà và gia đình động viên anh T1 đến Tòa án làm việc nhưng anh T1 nói không bỏ vợ nên không đến Tòa.

Theo tài liệu xác minh tại Công an xã H, Trưởng thôn P: Anh T1 hiện đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại địa phương. Về mâu thuẫn của chị T, anh T1 thôn không rõ vì chưa nhận được đề nghị của gia đình yêu cầu hòa giải mâu thuẫn vợ chồng. Nhưng theo dư luận tại thôn phản ánh chị T anh T1 mâu thuẫn là do anh chị chưa có con chung, anh T1 lại mải chơi, nên chị T đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ sống từ tháng 10/2019.

Tại phiên toà sơ thẩm:

Nguyên đơn chị T giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn với anh T1 vì xác định mâu thuẫn giữa anh chị đã trầm trọng, không thể tiếp tục chung sống. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh T1 vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Sách trình bày việc chấp hành pháp luật của thẩm phán, thư ký trong quá trình thu thập chứng cứ, người tiến hành tố tụng tại phiên toà chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật, bị đơn không chấp hành đúng quy định của pháp luật. Về đường lối giải quyết: Đề nghị HĐXX áp dụng: Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Xử cho chị T ly hôn anh T1; Về án phí: chị T1 phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Đặng Văn T1 đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và các giấy triệu tập đến tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Do đó căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh T1.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị T, anh Đặng Văn T1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 21/7/2015 tại UBND xã H, N, Hải Dương là hôn nhân hợp pháp. Chị T trình bày: Ngay từ thời gian đầu chung sống chị và anh T1 đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do không phù hợp về tính cách, quan điểm sống, anh chị kết hôn hơn 4 năm nhưng vẫn chưa có con, vợ chồng bất đồng quan điểm trong việc điều trị. Từ tháng 10/2019 anh chị sống ly thân. Xét lời khai của nguyên

đơn về mâu thuẫn vợ chồng phù hợp với lời khai của người làm chứng, phù hợp với tài liệu xác minh tại Công an xã H, Trưởng thôn P. Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh T1 đến Tòa án để trình bày quan điểm và tham gia phiên hòa giải nhưng anh T1 đều vắng mặt chứng tỏ anh T1 có thái độ bỏ mặc, không mong muốn hòa giải để khắc phục mâu thuẫn vợ chồng. Chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn anh T1. Nên có đủ cơ sở xác định mâu thuẫn của chị T, anh T1 đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình xử cho chị T ly hôn anh T1.

[3] Về quan hệ con chung, sản chung, nợ chung : Chị T, anh T1 không có con chung, tài sản chung, nợ chung không yêu cầu giải quyết

[4] Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016;

1. Về quan hệ vợ chồng: Xử cho chị Trần Thị T ly hôn anh Đặng Văn T1.

2. Án phí: Chị Trần Thị T phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm được đối trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ tại Cơ quan thi hành án dân sự huyện Nam Sách theo biên lai số AA/2017/0008421 ngày 10 tháng 12 năm 2019.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Nam Sách;
- Đương sự;
- UBND xã H;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà
(Đã ký)

Đoàn Thị Thu Thúy